

QUYỀN TỰ DO KINH DOANH THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

LÊ THỊ HÀ
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhận bài ngày 20/4/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 03/6/2026.

Abstract

The right to freedom of business plays a particularly important role in a market economy, serving as a prerequisite for the development of business entities and a driving force for economic growth. In Vietnam, along with the process of reform and international integration, the thinking on the right to freedom of business has undergone fundamental changes, gradually being recognized and guaranteed within the legal system. However, in practice, the exercise of the right to freedom of business still faces many legal and administrative obstacles. This article analyzes the constitutional basis, legal content, legal limitations, and practical aspects of guaranteeing the right to freedom of business as stipulated in current Vietnamese law. Based on this analysis, it proposes several recommendations to improve the law in the context of market economic development and international integration.

Keywords: *Freedom of business, law, market economy, perfect the law, solution, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế thị trường, bảo đảm quyền tự do kinh doanh (QTDKD) là yêu cầu tất yếu nhằm thúc đẩy đầu tư, khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội. Tuy nhiên, QTDKD không phải là quyền tuyệt đối mà luôn đặt trong mối quan hệ với yêu cầu quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự công cộng và lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, việc xác định nội dung, phạm vi và giới hạn của QTDKD luôn là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Ở Việt Nam, QTDKD đã được hiến định và ngày càng được hoàn thiện trong hệ thống pháp luật. Mặc dù vậy, thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn đặt ra những yêu cầu tiếp tục nghiên cứu về mức độ đảm bảo quyền, tính hợp lý của các giới hạn pháp lý cũng như hiệu quả thực thi các cơ chế bảo vệ quyền của chủ thể kinh doanh. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về QTDKD có ý nghĩa quan trọng, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm thực hiện quyền này trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam

Tự do kinh doanh là quyền cơ bản của công dân, được thừa nhận rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới nhưng lại không được nhìn nhận đúng đắn ở Việt Nam trong một thời gian dài. Trong hơn 40 năm xây dựng nền kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, không chấp nhận kinh tế thị trường, QTDKD đã bị lãng quên, không được ghi nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trong Văn kiện Đại hội IV (1976) của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng xác định kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể giữ vai trò chủ đạo, đồng thời yêu cầu “Đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích lũy tập trung của Nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1976). Cách tiếp cận này phản ánh tư duy kinh tế kế hoạch hóa tập trung, trong đó các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được thừa nhận nhưng chưa được coi là bộ phận cấu thành lâu dài của nền kinh tế. Đến Đại hội VI (1986),

Email: leha.hau1522@gmail.com

Đảng đã có bước chuyển căn bản khi khẳng định nền kinh tế nhiều thành phần là tất yếu khách quan trong suốt thời kỳ quá độ “Phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1986). Sự chuyển biến này đặt nền tảng chính trị - tư tưởng cho cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, từng bước bảo đảm QTDKD và nguyên tắc bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế. Chủ trương này được thể hiện trong Hiến pháp 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001: “Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng” (Quốc hội, 1992). Điều này tiếp tục được khẳng định trong Hiến pháp 2013: “Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” (Quốc hội, 2013). Không có nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế thì không thể có tự do kinh doanh. Vì vậy, chủ trương xây dựng, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường của Đảng và Nhà nước Việt Nam chính là nền tảng quan trọng nhất cho việc thừa nhận và bảo vệ QTDKD ở nước ta, là điều kiện ra đời của QTDKD ở Việt Nam.

Khái niệm QTDKD: Tự do kinh doanh là một trong những biểu hiện của các quyền về tự do, dân chủ, biểu hiện của một nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường. Quyền tự do nói chung và QTDKD nói riêng không chỉ là mục tiêu của xã hội văn minh mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ xã hội. QTDKD có thể được hiểu là quyền của cá nhân, tổ chức được tự do lựa chọn hình thức, ngành nghề, quy mô và phương thức tiến hành hoạt động kinh doanh, trên cơ sở tuân thủ các điều kiện và giới hạn do pháp luật quy định nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, trật tự xã hội và an ninh quốc gia. Quyền này bao hàm các yếu tố cơ bản: Quyền lựa chọn chủ thể kinh doanh; Quyền lựa chọn ngành, nghề kinh doanh; Quyền lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và cạnh tranh hợp pháp.

Quyền tự do kinh doanh có những đặc điểm sau: - QTDKD là quyền hiến định, được ghi nhận trực tiếp trong Hiến pháp, có giá trị pháp lý cao nhất và là cơ sở để xây dựng các luật chuyên ngành; - QTDKD không phải là quyền tuyệt đối. Việc thực hiện QTDKD có thể bị hạn chế trong những trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng; - QTDKD gắn liền với nghĩa vụ pháp lý. Chủ thể kinh doanh phải tuân thủ pháp luật về thuế, lao động, môi trường, cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

2.2. Cơ sở lý luận và hiến định của quyền tự do kinh doanh

2.2.1. Cơ sở lý luận

Dưới góc độ khoa học pháp lý, QTDKD được hình thành trên nền tảng của các quyền tự do cá nhân khác như quyền sở hữu, quyền tự do hợp đồng và quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp. Việc thừa nhận quyền này thể hiện sự tôn trọng của Nhà nước đối với vai trò chủ thể của cá nhân, tổ chức trong đời sống kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, QTDKD giữ vai trò là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự vận hành của các quy luật thị trường. Khi các chủ thể kinh doanh được tự do gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng và chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, các nguồn lực xã hội sẽ được phân bổ một cách hiệu quả hơn. Do đó, QTDKD không chỉ bảo vệ lợi ích riêng của nhà đầu tư, doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Tuy nhiên, về mặt lý luận, QTDKD không phải là quyền tuyệt đối. Quyền này luôn tồn tại trong mối quan hệ với lợi ích chung của xã hội và quyền quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế. Nhà nước có thể đặt ra những hạn chế nhất định đối với QTDKD nhằm bảo vệ lợi ích công cộng, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng và an ninh quốc gia. Việc hạn chế QTDKD chỉ được coi là hợp lý khi được quy định bằng pháp luật và bảo đảm tính cần thiết, tương xứng.

2.2.2. Cơ sở hiến định

Hiến pháp năm 2013 khẳng định mạnh mẽ hơn QTDKD như một quyền hiến định cơ bản. Điều 33 Hiến pháp quy định: “Mọi người có QTDKD trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Quy

định này không chỉ kế thừa mà còn phát triển vượt bậc nội dung QTDKD, phản ánh sự chuyển đổi từ tư duy quản lý sang tư duy bảo đảm quyền thể hiện rõ nguyên tắc pháp lý nền tảng của Nhà nước pháp quyền: cá nhân, tổ chức được làm những gì pháp luật không cấm. So với các bản Hiến pháp trước đây, quy định tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa đột phá, tạo cơ sở hiến định vững chắc cho việc hoàn thiện pháp luật về đầu tư, kinh doanh và cải cách môi trường kinh doanh ở Việt Nam.

2.3. Nội dung quyền tự do kinh doanh theo pháp luật hiện hành

Quyền tự do kinh doanh được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa thông qua nhiều đạo luật quan trọng, đặc biệt là Luật Đầu tư năm 2025, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc phân tích nội dung QTDKD cần được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với các quy định pháp luật đang có hiệu lực.

2.3.1. Quyền tự do lựa chọn ngành, nghề kinh doanh

Điều 33 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Mọi người có QTDKD trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm” (Quốc hội, 2013). Quy định hiến định này được cụ thể hóa tại Điều 5 Luật Đầu tư năm 2025, theo đó “Nhà đầu tư có quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề mà Luật này không cấm” (Quốc hội, 2025). Luật Đầu tư năm 2025 đồng thời thiết lập hai danh mục mang tính giới hạn quyền, bao gồm: Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Việc quy định cụ thể, minh bạch các danh mục này thể hiện rõ nguyên tắc bảo đảm QTDKD, đồng thời cho phép Nhà nước kiểm soát những lĩnh vực có ảnh hưởng đến lợi ích công cộng.

2.3.2. Quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh còn được thể hiện thông qua quyền lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh. Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi năm 2025 ghi nhận tại Điều 7, theo đó doanh nghiệp có quyền: “Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh” (Quốc hội, 2020). Bên cạnh đó, Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi năm 2025 xác định rõ các loại hình doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận, tạo cơ sở pháp lý cho cá nhân, tổ chức lựa chọn mô hình phù hợp với mục tiêu và năng lực của mình. Quy định này góp phần bảo đảm tính đa dạng và linh hoạt của hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

2.3.3. Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự do hợp đồng

Quyền tự do kinh doanh gắn liền với quyền tự do hợp đồng, được ghi nhận tại Điều 3 và Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, các bên có quyền tự do xác lập, thực hiện và chấm dứt hợp đồng, trên cơ sở không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Trong lĩnh vực doanh nghiệp, quyền tự chủ kinh doanh còn được thể hiện ở quyền quyết định chiến lược phát triển, tổ chức quản lý nội bộ và phân phối lợi nhuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, quyền này phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật về cạnh tranh, giá và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2.3.4. Quyền bình đẳng trong tiếp cận thị trường và nguồn lực

Nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh được ghi nhận tại Điều 51 Hiến pháp năm 2013 và được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành. Luật Đầu tư năm 2025 ghi nhận: “Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế” (Quốc hội, 2025). Ngoài ra, để bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng, Luật Cạnh tranh năm 2018 nghiêm cấm các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh có khả năng gây tác động hoặc gây tác động hạn chế cạnh tranh đến thị trường, đồng thời kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền. Qua đó bảo vệ môi trường cạnh tranh lành mạnh - điều kiện quan trọng để QTDKD được thực hiện một cách thực chất.

2.4. Các giới hạn đối với quyền tự do kinh doanh

Ở Việt Nam, cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, QTDKD ngày càng được ghi nhận đầy

đủ hơn trong hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn lập pháp và áp dụng pháp luật cho thấy QTDKD luôn gắn liền với các giới hạn nhất định. Việc xác định phạm vi và mức độ giới hạn quyền này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích của Nhà nước, xã hội và chủ thể kinh doanh.

2.4.1. Giới hạn vì lý do quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định rằng quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong những trường hợp cần thiết vì các lý do như quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng. Đây là cơ sở hiến định trực tiếp cho phép Nhà nước đặt ra các giới hạn đối với QTDKD. Như vậy, về phương diện hiến pháp, việc giới hạn QTDKD là hợp hiến nếu đáp ứng các điều kiện: được quy định bằng luật, vì mục đích chính đáng và trong phạm vi cần thiết.

2.4.2. Giới hạn thông qua ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh

Tại Điều 6 Luật Đầu tư năm 2025 đã cụ thể hóa giới hạn này thông qua việc quy định danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Theo đó, cá nhân, tổ chức không được phép kinh doanh các lĩnh vực như: kinh doanh chất ma túy, mại dâm, mua bán người, kinh doanh mẫu vật các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, hoạt động sinh sản vô tính trên người. Đây là giới hạn mang tính tuyệt đối, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ các giá trị nền tảng của xã hội, bao gồm đạo đức xã hội, trật tự công cộng và sức khỏe cộng đồng.

2.4.3. Giới hạn thông qua ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

Ngoài các ngành, nghề bị cấm, pháp luật còn quy định nhiều ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo Điều 7 Luật Đầu tư năm 2025, các điều kiện kinh doanh được đặt ra vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng. Các điều kiện này thể hiện dưới nhiều hình thức như giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, điều kiện về vốn pháp định hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật. Cơ chế này cho phép Nhà nước kiểm soát các lĩnh vực kinh doanh tiềm ẩn rủi ro, đồng thời vẫn bảo đảm QTDKD trong khuôn khổ pháp luật.

2.4.4. Giới hạn thông qua chủ thể và hình thức kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh còn bị giới hạn thông qua các quy định về chủ thể và hình thức tổ chức kinh doanh. Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định điều kiện thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, Luật Đầu tư năm 2025 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng đặt ra những hạn chế nhất định đối với nhà đầu tư nước ngoài trong một số lĩnh vực nhạy cảm. Quy định này nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ lợi ích kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.4.5. Giới hạn thông qua các quy định về trật tự quản lý kinh tế

Quyền tự do kinh doanh không thể tách rời khỏi các quy định về trật tự quản lý kinh tế. Các luật như Luật Cạnh tranh năm 2018, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Quản lý thuế đã đặt ra những nghĩa vụ pháp lý bắt buộc đối với chủ thể kinh doanh.

Những giới hạn này nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và hướng tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

2.5. Thực tiễn bảo đảm quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo đảm QTDKD ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện rõ qua quá trình hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện cơ chế bảo vệ pháp lý đối với các chủ thể kinh doanh. Trước hết, việc cải cách thủ tục gia nhập thị trường đã góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa QTDKD. Hiến pháp năm 2013 khẳng định mọi người có QTDKD trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Nguyên tắc này được cụ thể hóa trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 khi ghi nhận QTDKD, quyền tự chủ trong việc lựa chọn ngành, nghề, hình thức và quy mô kinh doanh. Đồng thời, Luật Đầu tư năm 2025 áp dụng phương pháp liệt kê danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trong thực tiễn, việc chuyển từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm, cùng với đơn giản hóa thủ tục đăng ký doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin đã làm giảm đáng kể rào cản pháp lý ban đầu, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc thực hiện QTDKD ngay từ giai đoạn gia nhập thị trường. Bên cạnh đó, phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh có sự thay đổi theo hướng tôn trọng và bảo vệ QTDKD. Trên cơ sở các nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, nhiều điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, mang tính hình thức hoặc chồng chéo đã được rà soát, cắt giảm. Thực tiễn này góp phần mở rộng không gian pháp lý cho hoạt động kinh doanh, nâng cao tính minh bạch và khả năng dự đoán của pháp luật, đồng thời hạn chế sự can thiệp mang tính tùy nghi của cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài ra, QTDKD còn được bảo đảm thông qua các cơ chế pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể kinh doanh trong quá trình hoạt động. Pháp luật hiện hành cho phép cá nhân, tổ chức khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật ảnh hưởng đến quyền kinh doanh. Trên thực tế, các thiết chế như tòa án và trọng tài thương mại ngày càng được sử dụng để giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền kinh doanh. Tuy nhiên, hiệu quả bảo vệ QTDKD vẫn phụ thuộc lớn vào chất lượng áp dụng pháp luật và tính thống nhất trong hoạt động thực thi của các cơ quan có thẩm quyền.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo đảm QTDKD vẫn còn hạn chế. Một số điều kiện kinh doanh vẫn được quy định theo hướng định tính, thiếu tiêu chí cụ thể, gây khó khăn cho việc thực hiện và tiềm ẩn nguy cơ áp dụng không thống nhất. Bên cạnh đó, tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo và các rào cản hành chính không chính thức vẫn ảnh hưởng nhất định đến việc thực thi đầy đủ QTDKD của các chủ thể.

2.6. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

2.6.1. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát tính hợp hiến, hợp pháp của các quy định hạn chế quyền tự do kinh doanh vì lý do quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Mặc dù khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 cho phép hạn chế quyền con người, quyền công dân trong những trường hợp cần thiết, song trên thực tế việc xác định tính “cần thiết” và “tương xứng” của các biện pháp hạn chế QTDKD vẫn còn mang tính định tính. Vì vậy, pháp luật cần quy định rõ hơn các tiêu chí đánh giá sự cần thiết, hợp lý và tương xứng của các hạn chế đối với quyền tự do kinh doanh, qua đó bảo đảm mọi sự hạn chế quyền đều được thực hiện trên cơ sở hiến định và phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền.

2.6.2. Tiếp tục rà soát và hoàn thiện danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo hướng chặt chẽ, minh bạch và phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội.

Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh là những giới hạn mang tính tuyệt đối đối với quyền tự do kinh doanh. Do đó, việc bổ sung hoặc duy trì các ngành, nghề cấm cần dựa trên những căn cứ khoa học và yêu cầu bảo vệ lợi ích công cộng thực sự cần thiết. Đồng thời, cần bảo đảm tính minh bạch và ổn định của danh mục này nhằm hạn chế nguy cơ mở rộng tùy tiện phạm vi hạn chế QTDKD.

2.6.3. Tiếp tục cải cách và chuẩn hóa hệ thống điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Thực tiễn cho thấy một số điều kiện kinh doanh vẫn còn mang tính định tính, thiếu tiêu chí rõ ràng hoặc phát sinh những chi phí tuân thủ không cần thiết đối với doanh nghiệp. Vì vậy, cần rà soát toàn diện các điều kiện đầu tư kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, dễ tiếp cận và dễ thực hiện; đồng thời tăng cường kiểm soát việc ban hành điều kiện kinh doanh mới nhằm ngăn ngừa tình trạng “giấy phép con”, bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu quản lý nhà nước và quyền tự do kinh doanh của chủ thể.

2.6.4. Hoàn thiện các quy định về điều kiện gia nhập thị trường và tiếp cận thị trường của các chủ thể kinh doanh

Đối với các giới hạn liên quan đến chủ thể và hình thức kinh doanh, pháp luật cần tiếp tục bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế khác nhau; đồng thời rà soát các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài theo hướng bảo đảm tính minh bạch, khả năng dự đoán và sự phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều này góp

phần hạn chế các rào cản pháp lý không cần thiết và tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi hơn.

2.6.5. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật nhằm hạn chế các rào cản phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh các giới hạn được quy định trong luật, trên thực tế QTDKD còn có thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, thủ tục hành chính phức tạp hoặc cách thức áp dụng pháp luật chưa thống nhất. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền và hoàn thiện cơ chế khiếu nại, khởi kiện hành chính nhằm bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể kinh doanh.

3. Kết luận

Sự ghi nhận QTDKD trong Hiến pháp năm 2013 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng trong tư duy lập hiến. Nghiên cứu cho thấy, pháp luật Việt Nam hiện hành đã từng bước hình thành khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ để đảm bảo quyền tự do kinh doanh thông qua việc ghi nhận quyền tự do gia nhập thị trường, quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh, quyền bình đẳng trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và cơ chế bảo vệ quyền của các chủ thể kinh doanh. Đồng thời, các giới hạn đối với QTDKD cũng được xác lập trên cơ sở yêu cầu bảo vệ lợi ích công cộng, bảo đảm trật tự quản lý nhà nước và phát triển bền vững nền kinh tế. Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu bảo đảm QTDKD không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận về mặt pháp lý mà còn đòi hỏi sự thống nhất, minh bạch và hiệu quả trong quá trình tổ chức thực thi pháp luật. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo quyền tự do kinh doanh cần được xem là một yêu cầu thường xuyên của tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, góp phần nâng cao chất lượng thể chế kinh tế, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Ngọc Cường (2004). *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, tr. 43.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1976). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. NXB Sự thật, tr. 73.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1987). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. NXB Sự thật, tr. 46-47.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự*. Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.
- Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Thông qua ngày 28/11/2013.
- Quốc hội (2001). *Nghị quyết số 51/2001/QH10, ngày 25/12/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*.
- Quốc hội (2018). *Luật Cạnh tranh*. Luật số 23/2018/QH14, ngày 12/6/2018.
- Quốc hội (2025). *Luật Đầu tư*. Luật số 143/2025/QH15, ngày 11/12/2025.
- Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp*. Luật số 76/2025/QH15, ngày 17/6/2025.